

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách
năm 2025 của Trường THPT số 1 Đức Phổ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT SỐ 1 ĐỨC PHỔ

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách,
các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài
chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15
tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối
với đơn vị thực hiện dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ
trợ;*

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán trường THPT số 1 Đức Phổ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách năm 2025 của Trường THPT số 1 Đức Phổ (đính kèm thông báo biểu số 03; Bảng đối chiếu xác nhận số dự toán tại Kho bạc năm 2025).

Điều 2. Hình thức, thời gian và địa điểm công khai: Công khai tại bảng tin của nhà trường, Website trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong thời gian 30 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên Trường THPT số 1 Đức Phổ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT
- Như Điều 2;
- Lưu VT; KT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thanh Cường

Đức Phổ, ngày 22 tháng 01 năm 2026.

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: đồng

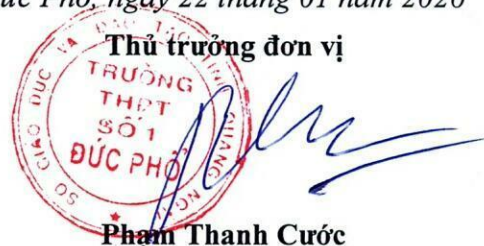
STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (Quý, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1.121.000.000	0	0,00%	
I	Số thu phí, lệ phí	1.121.000.000	0	0,00%	
1	Lệ phí	0	0		
2	Phí	1.121.000.000	0	0,00%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	1.121.000.000	479.390.833	42,76%	
1	Chi sự nghiệp	1.121.000.000	479.390.833	42,76%	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.121.000.000	479.390.833	42,76%	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	
1	Lệ phí	0	0	0	
2	Phí	0	0	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	21.771.315.000	20.933.491.369	96,15%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	21.771.315.000	20.933.491.369	96,15%	
1	Chi quản lý hành chính				
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.771.315.000	20.933.491.369	96,15%	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	19.364.200.000	19.338.200.000	99,87%	
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.407.115.000	1.595.291.369	66,27%	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp GD, Đt và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi SN phát thanh, tr.hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				

2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp GD, Đt và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Đức Phổ, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thanh Cước